

- 9 tuần tại bệnh viện phụ sản MeKong. Tạp chí Y học Việt Nam, 2023. 526(1B).
4. **Bệnh viện Quân y 7A** (2021). Báo cáo tổng kết cuối năm, thành phố Hồ Chí Minh.
  5. **Lê Thị Giáng Châu** (2010). Hiệu quả của Mifepristone và Misoprostol trong chấm dứt thai kỳ dưới 49 ngày vô kinh ở phụ nữ có vết mổ cũ lấy thai. Luận văn Thạc sĩ Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Tr 70-75
  6. **Nguyễn Thị Kiều Loan** (2013). Hiệu quả phá thai nội khoa trong chấm dứt thai kỳ từ 50 đến 63 ngày vô kinh ở phụ nữ có vết mổ cũ lấy thai tại bệnh viện Từ Dũ. Luận văn thạc sĩ. trường Đại học Y Dược TPHCM. Tr 80-85
  7. **Lê Thị Chuyên, Nguyễn Hữu Trung**. Hiệu quả của phá thai nội khoa ≤49 ngày vô kinh ở phụ nữ có vết mổ cũ lấy thai tại bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi. Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh. 2021;25(1):180 -187.
  8. **Dương Kim Ngân, Nguyễn Văn Lâm, Trần Thị Trúc Vân, Nguyễn Kim Loan, Trần Thị Ngọc Hạnh, Trần Trung Tính**. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả phá thai nội khoa ở thai phụ ≤9 tuần có vết mổ lấy thai cũ tại Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ. 01/17 2023;(54):160-166. doi:10.58490/ctump.2022i54.373
  9. **Berghahn L, C.D., Droste S**. Uterine rupture during second-trimester abortion associated with misoprostol. Obstet Gynecol. 2001 Nov;98(5 Pt 2):976-7. <http://dx.doi.org/10.1097/00006250-200111001-00037> PubMed PMID: 11704229.

## ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA DERMATOPHYTES GÂY BỆNH NẤM DA ĐẦU

Trần Cẩm Vân<sup>1</sup>, Trần Kim Chi<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả đặc điểm sinh học của Dermatophytes gây bệnh nấm da đầu tại Bệnh viện Da liễu Trung ương năm 2021. **Đối tượng và Phương pháp:** Mô tả cắt ngang trên 43 bệnh nhân được chẩn đoán nấm da đầu đến khám tại Bệnh viện Da liễu Trung ương từ tháng 1/2021 đến tháng 12/2021. **Kết quả:** Định danh xác định được 5 loài, trong đó *T. tonsurans* thường gặp nhất (51,1%), tiếp theo là *M. canis* (26,7%). Thời gian mọc trung bình của *Microsporum* ngắn hơn *Trichophyton*, thường dưới 6 ngày. Chủng *T. schoenleinii* có thời gian mọc lâu nhất với 15 ngày. Hình thái thường gặp của các chủng *T. tonsurans*: khuẩn lạc dạng bột, màu trắng, mặt sau màu nâu đỏ, bào tử lớn hình chùy và điều xi gà, thành tế bào mỏng, có từ 0-4 vách ngăn, bào tử nhỏ hình cầu. Loài *M. canis* thường gặp: khuẩn lạc dạng nhẵn, bề mặt có lông tơ, màu trắng, mặt đảo ngược màu vàng đậm, bào tử lớn hình thoi, thành tế bào dày, có từ 5-15 vách ngăn, bào tử nhỏ hình chùy. **Kết luận:** *T. tonsurans* và *M. canis* là hai chủng thường gặp nhất gây nấm da đầu. Đặc điểm khuẩn lạc rất đa dạng, cần chú ý chẩn đoán sớm để điều trị sớm cho bệnh nhân.

### SUMMARY

#### BIOLOGICAL CHARACTERISTICS OF DERMATOPHYTES CAUSING TINEA CAPITIS

**Objectives:** Describe the biological characteristics of dermatophytes causing tinea capitis at National hospital of Dermatology and Venereology in 2021. **Method:** A descriptive cross-sectional study was conducted in 43 patients who were diagnosed

with tinea capitis at the National hospital of Dermatology and Venereology from January 2021 to December 2021. **Results:** Five species of dermatophyte causing tinea capitis have been identified. *T. tonsurans* was the most common fungal isolate (51,1%), followed by *M. canis* (26,7%). The average growing time of *Microsporum* was shorter than that of *Trichophyton*, usually less than 6 days. *T. schoenleinii* had the longest growing time of 15 days. Common morphology of *T. tonsurans*: white, powdery colonies, reddish brown back surface, large spores shaped like clubs and cigars, thin cell walls, with 0-4 septa, small spores were spherical. Morphology of *M. canis*: wrinkled colonies, white hairy surface, dark yellow inverted surface, large spores shaped like spindle, thick cell wall, with 5-15 septa, small spores shaped like clubs. **Conclusions:** *T. tonsurans* and *M. canis* were the two most common strains that cause tinea capitis. Colony characteristics were very diverse, it is essential to establish an early diagnosis and treatment to avoid the consequences of definitive alopecia.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nấm da đầu chỉ tình trạng nhiễm nấm Dermatophyte vùng da đầu và nang tóc [1]. Bệnh hay gặp ở trẻ em. Biểu hiện thường thấy của nấm da đầu là rụng tóc, có thể kèm theo vảy da. Rụng tóc có thể thành các mảng riêng biệt hoặc rụng tóc toàn bộ da đầu. Bệnh nếu không được điều trị kịp thời có thể để lại biến chứng như rụng tóc sẹo, nhiễm trùng nông bề mặt hoặc thay đổi sắc tố da vùng da đầu, gây mất thẩm mỹ, mất tự tin, từ đó ảnh hưởng đến quá trình phát triển của trẻ. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần chẩn đoán sớm, điều trị sớm, tránh những khó khăn trong điều trị cũng như để lại hậu quả không mong muốn. Nuôi cấy bệnh phẩm xác định chủng nấm gây bệnh hiện đang là tiêu

<sup>1</sup>Bệnh viện Da liễu Trung ương

Chịu trách nhiệm chính: Trần Cẩm Vân

Email: trancamvan.dl@gmail.com

Ngày nhận bài: 4.01.2024

Ngày phản biện khoa học: 20.2.2024

Ngày duyệt bài: 6.3.2024

chuẩn vàng chẩn đoán nấm da đầu. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mục tiêu: *Mô tả đặc điểm sinh học của Dermatophytes gây bệnh nấm da đầu tại Bệnh viện Da liễu Trung ương năm 2021.*

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Đối tượng nghiên cứu:** Tất cả bệnh nhân được chẩn đoán nấm da đầu đến khám tại Bệnh viện Da liễu Trung ương từ tháng 1/2021 đến tháng 12/2021.

\* **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Bệnh nhân được chẩn đoán lâm sàng nấm da đầu và có xét nghiệm soi trực tiếp tìm nấm dương tính

\* **Tiêu chuẩn loại trừ:** Điều trị bằng thuốc bôi chống nấm, thuốc bạt sừng bong vảy trước đó ít nhất 1 tháng; Bệnh nhân có bệnh da khác kèm theo; Không đồng ý tham gia nghiên cứu.

**2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Tại Khoa Khám bệnh và Khoa Xét nghiệm Vi sinh - Nấm - Ký sinh trùng, Bệnh viện Da liễu Trung ương từ tháng 1/2021 đến tháng 12/2021.

**2.3. Phương pháp nghiên cứu:** mô tả cắt ngang.

**2.4. Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu không vi phạm y đức vì tất cả người bệnh đều được hỏi ý kiến và đồng ý tham gia nghiên cứu, các thủ thuật khám, lấy bệnh phẩm đều không xâm hại.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Bảng 1. Kết quả định danh Dermatophytes gây bệnh nấm da đầu và thời gian mọc trên SDA**

Loài nấm		Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)	Thời gian mọc (ngày)
<b>Trichophyton spp.</b>		<b>29</b>	<b>67,4</b>	
1.	T. tonsurans	22	51,2	12
2.	T. mentagrophytes	5	11,6	7
3.	T. schoenleinii	2	4,7	15
<b>Microsporum spp.</b>		<b>14</b>	<b>32,6</b>	
1.	M. canis	12	27,9	5
2.	M. gypseum	2	4,7	6
<b>Tổng số</b>		<b>43</b>	<b>100</b>	

**Bảng 2. Đặc điểm hình thái khuẩn lạc đại thể của các chủng Dermatophytes gây bệnh nấm da đầu trên môi trường SDA**

Loài nấm	Mặt trước khuẩn lạc	Mặt sau khuẩn lạc	Số lượng (n)
<b>T. tonsurans</b>	Có nhiều nếp gấp đồng tâm, màu nâu, ở giữa nhô cao hơn	Màu nâu đỏ	16
	Có nhiều nếp gấp đồng tâm, màu nâu, ở giữa nhô cao hơn	Màu đỏ tía	1
	Có nhiều nếp gấp tỏa tròn, màu trắng	Màu vàng	1
	Màu trắng, dạng sợi bông, nếp gấp như lan hoa	Màu nâu đỏ	1
	Màu trắng ngà, chia thành khía	Màu vàng	2
	Màu vàng nhạt, dạng hạt, giữa nhô cao	Màu nâu đỏ	1
<b>T. mentagrophytes</b>	Dạng sợi, trắng bông, có các nếp gấp tỏa tròn như lan hoa	Màu cam	1
	Màu vàng sẫm, lông tơ	Màu vàng	4
<b>T. schoenleinii</b>	Màu vàng sẫm, lông tơ	Không màu	1
	Màu sáp, phủ lông tơ nhẹ nhàng, gấp lại	Màu vàng	2
<b>M. canis</b>	Màu trắng, thô, phủ lông tơ, nhăn nheo	Màu vàng	10
	Màu trắng, thô, phủ lông tơ, nhăn nheo	Không màu	1
	Màu trắng, sợi bông	Màu vàng	1
<b>M. gypseum</b>	Phẳng, phủ bột, màu vàng	Màu vàng nâu	2

**Bảng 3. Đặc điểm hình thái vi thể trên môi trường Corn meal của các chủng Dermatophytes gây bệnh nấm da đầu**

Loài nấm	Hình thái vi thể	Số lượng (n)
<b>T. tonsurans</b>	Sợi nấm có vách ngăn như đốt tre	11
	Sợi nấm thô ngắn	10
	Sợi nấm có vách ngăn hình dạng thay đổi	1
<b>T. mentagrophytes</b>	Sợi nấm cuộn xoắn	3
	Sợi nấm cuộn, có mấu nhỏ trên thân sợi nấm	2
<b>T. schoenleinii</b>	Sợi nấm có vách ngăn, dưới bề mặt có các dạng cành cây gạc nai	2

<b>M. canis</b>	Sợi nấm có vách ngăn	12
<b>M. gypseum</b>	Sợi nấm có vách ngăn	2

**Bảng 4. Đặc điểm hình thái bào tử lớn, bào tử nhỏ trên môi trường Corn meal của các chủng Dermatophytes gây bệnh nấm da đầu**

Loài nấm	Hình thái bào tử lớn	n	Hình thái bào tử nhỏ	n
<b>T. tonsurans</b>	Đoạn ngắn, vách dày	1	Hình quả bóng phình ở đầu sợi nấm	13
	Không có mặt	21	Hình thon ở giữa sợi nấm	9
<b>T. mentagrophytes</b>	Hình điều xì gà	3	Bào tử hình tròn, giống chùm nho, thành đám	5
	Không có mặt	2		
<b>T. schoenleinii</b>	Không có mặt	2	Không thấy	2
<b>M. canis</b>	Xuất hiện nhiều, xù xì, vách dày, đầu nhọn, >6 ngăn	12	Không thấy	12
<b>M. gypseum</b>	Xuất hiện nhiều, vách mỏng, đầu tù, tròn <6 ngăn	2	Không thấy	2

**Bảng 5. Đặc điểm sinh lý, sinh hóa của các loài Trichophyton và Microsporium gây bệnh nấm da đầu**

Loài nấm	Nhiệt độ		Thyamine		Sinh sắc tố trên môi trường ure		Thử nghiệm xuyên tóc	
	37°C	25-27°C	Có	Không	Dương tính	Âm tính	Dương tính	Âm tính
<b>T. tonsurans</b>	22	0	21	1	22	0	1	21
<b>T. mentagrophytes</b>	5	0	0	5	5	0	5	0
<b>T. schoenleinii</b>	0	2	0	2	0	2	0	2
<b>M. canis</b>					0	12	12	0
<b>M. gypseum</b>					2	0	0	2

#### IV. BÀN LUẬN

Nấm da đầu là một bệnh lý thường gặp ở trẻ em, ít gặp ở người lớn. Căn nguyên của bệnh là do các chủng nấm thuộc chi Trichophyton và Microsporium gây nên. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, chủng thường gặp nhất là *T. tonsurans* với 51,1%, tiếp theo là *M. canis* với 26,7%. Bhat và cộng sự (2017) nghiên cứu trên 150 trường hợp nấm da đầu ở trẻ em tại Ấn Độ cũng nhận thấy *T. tonsurans* rất thường gặp, chiếm 61,11%, tuy nhiên tác giả không phát hiện bất cứ trường hợp Microsporium nào [2]. Tỷ lệ gặp các chủng nấm khác nhau giữa các vùng địa lý và thay đổi cả theo thời gian, ở châu Âu *M. canis* là nguyên nhân chủ yếu gây bệnh, ở Anh nguyên nhân hay gặp lại là *T. tonsurans*, ở Hoa Kỳ *T. tonsurans* dần thay thế *M. audouinii* và *M. canis* trở thành nguyên nhân hay gặp nhất gây nấm da đầu [3]. Sự khác nhau giữa các chủng nấm gây bệnh được giải thích là do khác nhau về khí hậu, môi trường, sự tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với động vật nuôi, gia súc, sự nhập cư với nhiều người mang bệnh không triệu chứng làm thay đổi dần tỷ lệ nhiễm cũng như chủng nấm gây bệnh ở các khu vực trên thế giới [4].

Quan sát đặc điểm đại thể khuẩn lạc của chi Trichophyton chúng tôi nhận thấy rằng mặt trước khuẩn lạc có nhiều nếp gấp đồng tâm hoặc tỏa tròn, màu sắc thay đổi dễ dàng, trắng, xám, hồng hoặc nâu mặt sau của khuẩn lạc màu nâu

đỏ, một số có chủng màu vàng hoặc không màu. Thời gian tăng trưởng trên môi trường thạch SDA từ 10-12 ngày. Có một số chủng mặt trước khuẩn lạc hay biến đổi từ màu vàng đến màu vàng sẫm trên bề mặt phủ bột hoặc lông tơ, mặt sau khuẩn lạc màu nâu vàng nhạt hoặc không màu thời gian mọc khoảng 7 ngày. Một số chủng mặt trước khuẩn lạc bề mặt chất đồng, gặp lại màu sắc khuẩn lạc trắng, màu sáp, phủ lông tơ nhẹ nhàng mặt sau khuẩn lạc không màu hoặc màu vàng nhạt. Thời gian tăng trưởng từ 13-15 ngày. Chi Microsporium có hình thái mặt trước khuẩn lạc thô, phủ lông tơ, nhăn nheo màu hơi trắng, mặt sau khuẩn lạc vàng đậm hoặc vàng sáng thời gian tăng trưởng từ 4-6 ngày. Một loại hình thái nữa là mặt trước khuẩn lạc bề mặt phẳng, phủ bột hoặc dạng hạt màu vàng hoặc nâu vàng. Mặt sau khuẩn lạc màu vàng, vàng nâu hoặc đỏ tía thời gian tăng trưởng 6 ngày. Như vậy so sánh về thời gian tăng trưởng của chi Microsporium nhanh hơn, chỉ từ 4-6 ngày, chi Trichophyton phải từ 7-12 ngày. Có chủng thời gian lên đến 15 ngày. Về thời gian khuẩn lạc tăng trưởng, hình thái và màu sắc đại thể của khuẩn lạc cũng giúp chúng ta dễ dàng nhận định hướng tới chủng đó thuộc chi nào.

Hình thái vi thể của chi Trichophyton và Microsporium đều là sợi nấm có vách ngăn tuy nhiên ở chi Trichophyton xuất hiện nhiều sợi hơn chi Microsporium. Về hình thái các đại bào tử của

chủng *T. tonsurans* ít có, chủ yếu là các tiểu bào tử hình thon, hình quả bóng xuất hiện nhiều trong các chủng được phân lập. Các đại bào tử của chủng *T. metagrophytes* hình điều xì gà, thành tế bào mỏng, tiểu bào tử hình tròn thành đám như chùm nho, có chủng cho hình thái của sợi xoắn. Hình thái chủng *T. schoenleinii* là sợi nấm có vách ngăn, dưới bề mặt có dạng cành cây gạc nai, gạc hươu không xuất hiện đại bào tử và tiểu bào tử. Đặc điểm hình thái của chủng *M. canis* là các đại bào tử hình con suốt, đầu nhọn có nhiều vách ngăn > 6 ngăn thành tế bào dày xì không xuất hiện bào tử nhỏ, rất hữu ích để chúng ta quan sát phân biệt nhận diện loài. Đặc điểm của chủng *M. gypseum* là các đại bào tử < 6 vách ngăn thành tế bào mỏng đầu tròn. Không thấy tiểu bào tử.

Nghiên cứu về tính chất sinh lý, sinh hóa của các loài trong đó có 23 chủng *T. tonsurans*, chúng tôi đã thử nghiệm trên môi trường thạch Urea cho kết quả: thay đổi sắc tố, lên màu đỏ trên thạch Urea, âm tính với thử nghiệm test xuyên tóc. Về điều kiện tăng trưởng, *T. tonsurans* phát triển tốt ở 37 độ và cần thiamine để tăng trưởng. Tính chất của 6 chủng *T. metagrophytes* đều dương tính với Urea và test thử nghiệm xuyên tóc, phát triển tốt ở 37 độ, không cần thiamin để tăng trưởng. 2 chủng *T. schoenleinii* không có các tính chất trên. Có 14 chủng thuộc chi *Microsporum* gồm 2 loài *M.*

*canis* và *M. gypseum* có tính chất sinh lý, sinh hóa khác biệt nhau. Loài *M. gypseum* thay đổi sắc tố đỏ trên môi trường thạch Urea, âm tính với thử nghiệm xuyên tóc còn loài *M. canis* âm tính với Urea, dương tính với thử nghiệm xuyên tóc. Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy rõ sự khác biệt về tính chất sinh lý, sinh hóa giữa các loài.

## V. KẾT LUẬN

*T. tonsurans* và *M. canis* là hai chủng thường gặp nhất gây nấm da đầu. Dựa vào thời gian khuẩn lạc tăng trưởng, hình thái và màu sắc đại thể của khuẩn lạc cũng giúp chúng ta dễ dàng nhận định chủng khuẩn lạc gây bệnh, giúp chẩn đoán sớm để điều trị sớm cho bệnh nhân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Elewski, B.E.**, Tinea capitis: a current perspective. *Journal of the American Academy of Dermatology*, 2000. 42(1): p. 1-20.
2. **Bhat, Y.J., et al.**, Clinicoepidemiological and Mycological Study of Tinea Capitis in the Pediatric Population of Kashmir Valley: A Study from a Tertiary Care Centre. *Indian Dermatol Online J*, 2017. 8(2): p. 100-103.
3. **Triviño-Duran, L., et al.**, Prevalence of tinea capitis and tinea pedis in Barcelona schoolchildren. *The Pediatric infectious disease journal*, 2005. 24(2): p. 137-141.
4. **Pomeranz, A.J. and S.S. Sabnis**, Tinea capitis: epidemiology, diagnosis and management strategies. *Paediatr Drugs*, 2002. 4(12): p. 779-83.

## ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG VÀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH HO GÀ TẠI KHOA BỆNH NHIỆT ĐỐI BỆNH VIỆN SẢN NHI NGHỆ AN

Ngô Anh Vinh<sup>1</sup>, Võ Mạnh Hùng<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh ho gà tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An năm 2017. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 100 bệnh nhân được chẩn đoán ho gà theo tiêu chuẩn của Hội nghị ho gà toàn cầu năm 2011 điều trị nội trú tại khoa Bệnh nhiệt đới - Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An. **Kết quả:** Lứa tuổi dưới 3 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất với 74%. Tất cả các trường hợp đều có biểu hiện ho (100%) với cơn ho kịch phát chiếm 95%, ho đỏ mặt, tím tái chiếm 68%.

13% trường hợp có bạch cầu tăng cao  $\geq 30.10^3/ml$ , trong đó 52% trường hợp có số lượng bạch cầu lympho  $\geq 70\%$ . Về kết quả điều trị, hầu hết bệnh nhân tiến triển tốt (95%) với thời gian điều trị trung bình là  $10,03 \pm 8,3$  ngày. Tỷ lệ có biến chứng chiếm 63% trong đó gặp nhiều nhất là viêm phổi (chiếm 46%). Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy các yếu tố: tuổi dưới 3 tháng, viêm phổi và bạch cầu máu ngoại vi tăng cao trên  $30.10^3/mm^3$  là các yếu tố tiên lượng tình trạng ho gà nặng. **Kết luận:** Ho là dấu hiệu đặc trưng của bệnh ho gà gặp trong tất cả các trường hợp. Các yếu tố gồm tuổi dưới 3 tháng, viêm phổi và bạch cầu máu ngoại vi tăng cao trên  $30.10^3/mm^3$  là các yếu tố có liên quan độc lập đến tình trạng ho gà nặng. **Từ khóa:** lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị, ho gà.

<sup>1</sup>Bệnh viện Nhi Trung ương

<sup>2</sup>Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An

Chịu trách nhiệm chính: Ngô Anh Vinh

Email: drngovinh@gmail.com

Ngày nhận bài: 3.01.2024

Ngày phản biện khoa học: 19.2.2024

Ngày duyệt bài: 5.3.2024

### SUMMARY

#### CLINICAL FEATURES, PARA-CLINICAL FEATURES AND RESULTS OF TREATMENT